



THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MẦM NON THỰC HIỆN NUÔI, DẠY TRẺ DƯỚI 36 THÁNG TUỔI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: mytrinhdhv@gmail.com

CÙ THỊ THỦY - Bộ Giáo dục và Đào tạo
Email: ctthuy@moet.edu.vn

Tóm tắt: Đội ngũ giáo viên mầm non là yếu tố quyết định chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ dưới 3 tuổi, rất cần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ độ tuổi này. Bài viết phân tích thực trạng, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non làm việc với trẻ em dưới 3 tuổi, từ đó đưa ra một số khuyến nghị để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này ở Việt Nam.

Từ khóa: Đào tạo; bồi dưỡng; giáo viên mầm non; trẻ dưới 36 tháng tuổi.

(Nhận bài ngày 01/4/2011; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/4/2017; Duyệt đăng ngày 25/04/2017).

1. Đặt vấn đề

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)¹, năm học 2015-2016, cả nước huy động được khoảng 26% tỉ lệ trẻ em dưới 36 tháng tuổi ra nhóm, lớp với 62.742 giáo viên mầm non (GVMN) dạy trẻ nhà trẻ, trong đó tỉ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là 94,7%. Số giáo viên (GV) công lập chiếm 74,74 %, GV ngoài công lập - 26,36 %; tỉ lệ trẻ/GV là 10,37 và tỉ lệ GV/nhóm 1,3; tỉ lệ GV dạy trẻ nhà trẻ/GV dạy trẻ mẫu giáo là 27%.

Với mục tiêu thu hút được 30% (năm 2020) và 35% (năm 2025) trẻ nhà trẻ ra nhóm, lớp (với giả định ở Việt Nam trong 5 -10 năm tới, tốc độ tăng dân số cơ học không thay đổi, duy trì mức sinh hiện tại và ổn định tỉ lệ GVMN về hưu hàng năm) chúng ta cần chuẩn bị đủ số lượng GVMN dạy trẻ nhà trẻ là 94.401 (năm 2020) và 134.084 (năm 2025). Có nghĩa là so với thời điểm hiện tại, đến năm 2020 chúng ta cần đào tạo, bồi dưỡng thêm 31.659 GVMN và vào năm 2025 - thêm 71.342 GVMN dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi². Ngoài số lượng nêu trên, cần chú ý đến chất lượng đội ngũ GVMN thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục (GD) trẻ em nhà trẻ với những yêu cầu rất đặc trưng về kiến thức, kĩ năng và thái độ, có khác

biệt rất lớn với GVMN thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ em mẫu giáo³.

Để có thể đề xuất được các khuyến nghị nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ GVMN, từ đó nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ em nhà trẻ, rất cần nhìn rõ thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng GVMN trong các cơ sở đào tạo GVMN ở Việt Nam hiện nay.

2. Thực trạng công tác đào tạo giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi ở Việt Nam

Hiện nay, đào tạo GVMN có các trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) và trung cấp thuộc các hệ: chính quy (tập trung và không tập trung), vừa học vừa làm (tại chức) với các hình thức đào tạo đa dạng: từ xa, liên thông (từ sơ cấp lên trung cấp; từ trung cấp hoặc từ CĐ lên trình độ cao hơn - CĐ, ĐH) và liên kết đào tạo. Số lượng các cơ sở có chức năng đào tạo GVMN hiện là 74, trong đó có 6 trường ĐH Sư phạm, 23 trường ĐH Khoa Sư phạm/Khoa GD/khoa GDMN - Tiểu học; 36 trường CĐ Sư phạm; 7 trường CĐ có Khoa Sư phạm, 2 trường trung cấp Sư phạm. Việc đào tạo ở các trường sư phạm chủ yếu triển khai theo mô hình đào tạo song song đã cung ứng số lượng GVMN đáp ứng kịp thời nhu cầu của thực tiễn. Nhiều trường ĐH, CĐ, trung cấp khác và nhiều Trung tâm GD thường xuyên ở các địa phương tuy không có chức năng đào tạo GVMN nhưng đang tham gia tích cực và hàng năm cung ứng một số lượng lớn GVMN các trình độ, đặc biệt là trung cấp, thông qua hình thức liên thông hay liên kết đào tạo (với các cơ sở CĐ, ĐH có chức năng đào tạo GVMN). Trong hệ thống đông đảo các cơ sở đào tạo GVMN nêu trên, việc đào tạo GVMN thực hiện nuôi,

1. Dự thảo Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn năm 2025 của Bộ GD&ĐT.

2. Ghi chú: (a) Số lượng GVMN nhà trẻ (2015) là 62.742; GVMN mẫu giáo là 231 931; Tỉ lệ GV nhà trẻ/GV mẫu giáo là 27,0%.

(b) Tổng số GV nhà trẻ tăng thêm do tăng tỉ lệ huy động: Năm 2020 là $(62\ 742 \times 30\%)/26\% = 9\ 603$ GV; Năm 2025 là $(62\ 742 \times 35\%)/26\% = 21\ 716$ GV.

(c) Số GV nhà trẻ cần bù đắp/năm là 5 514 người, gồm: (+) Về hưu: 6000 GV/năm $\times 27\% = 1620$ người; (+) Nghỉ việc: 1200 GV/năm $\times 27\% = 324$ người; (+) Bổ sung theo Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV: $3\ 225$ GV/năm $\times 27\% = 3570$.

Như vậy: Năm 2020, cần thêm (so với 2015): $22056 + 9\ 603 = 31\ 659$ GV; Năm 2025, cần thêm (so với 2015): $49626 + 21\ 716 = 71\ 342$ GV.

3. Nguyễn Ánh Tuyết - Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non; Đinh Văn Vang - Giáo dục học mầm non, NXB Giáo dục, 2008; T.A. Ilina, Giáo dục học, NXB Giáo dục (tài liệu dịch Nguyễn Hữu Chương).

dạy trẻ nhà trẻ diễn ra như thế nào? Để trả lời câu hỏi đó, chúng tôi tìm hiểu các thành tố của quá trình đào tạo GVMN trên bình diện chung ở các cơ sở.

2.1. Về chương trình, nội dung đào tạo giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi

- Các cơ sở đào tạo dù trình độ trung cấp, CĐ hay ĐH đều thực hiện chương trình đào tạo GVMN nói chung để làm việc với trẻ từ 03 tháng đến 6 tuổi.

- Chương trình đào tạo tuy có đủ thời lượng (thường ở mức tối thiểu theo quy định của trình độ đào tạo) các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, không có khối kiến thức riêng cho nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng.

- Không có học phần dành riêng cho GVMN để nuôi, dạy trẻ dưới 3 tuổi. Nội dung các học phần trong chương trình đào tạo, đặc biệt là các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có một tỉ lệ không lớn nội dung nhằm trang bị kiến thức và kĩ năng làm việc với trẻ dưới 3 tuổi.

- Chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập, thực tập sư phạm, mặc dù có xác định nội dung rèn luyện kĩ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, GD trẻ dưới 3 tuổi, tuy nhiên thực tế thời lượng dành cho các nội dung rèn luyện này khá khiêm tốn.

2.2. Về rèn luyện kĩ năng sư phạm cho giáo viên mầm non tương lai dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi

- Rèn luyện kĩ năng sư phạm cho sinh viên ở các cơ sở đào tạo

Ở từng cơ sở đào tạo, việc rèn luyện kĩ năng nghề cho GVMN tương lai được thực hiện thông qua các hình thức với mức độ đa dạng khác nhau bao gồm: Seminar, các hình thức luyện tập trên lớp hay tự tìm hiểu, luyện tập theo yêu cầu của môn học; thực hành nghiệp vụ Sư phạm thường xuyên (kết hợp giữa học trên lớp với thực hành nội dung có liên quan ở cơ sở thực hành); thực hành qua các hoạt động nghiệp vụ sư phạm đa dạng ở cơ sở đào tạo: hội thi, hội thảo; triển lãm...Tuy nhiên, các hình thức rèn luyện nói trên mới chỉ giúp hình thành được những kĩ năng nghề cơ bản của GVMN nói chung, chưa tập trung vào luyện tập các kĩ năng chăm sóc, GD trẻ các độ tuổi, nhất là nuôi, dạy trẻ dưới 3 tuổi.

- Rèn luyện kĩ năng sư phạm qua thực hành, thực tập Sư phạm ở các trường mầm non

Mặc dù chương trình thực hành, thực tập sư phạm có nội dung rèn luyện kĩ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc - GD trẻ lứa tuổi dưới 3. Tuy nhiên, thực tế đa số cơ sở thực hành, thực tập nghề lại không có hoặc có nhưng rất ít các nhóm trẻ dưới 3 tuổi. Đồng thời, thiếu GV hướng dẫn thực hành, thực tập nghề có kiến thức và kĩ năng nuôi dạy trẻ dưới 3 tuổi. Thời gian thực hành, thực tập tương đối ngắn, nhiệm vụ và nội dung rèn luyện nhiều, yêu cầu đánh giá kết quả rèn luyện khá cao. Vì thế, các cơ sở thực hành chủ yếu vẫn chỉ tập trung vào củng cố và phát triển các kĩ năng nghề cơ bản của GVMN tương lai, không chú trọng củng cố các kĩ năng chăm sóc, GD trẻ dưới 3 tuổi.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong đào tạo giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi

- Trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Luật GD, Điều lệ trường mầm non, Quy chế tổ chức và hoạt động các loại hình cơ sở GDMN, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non...), không đặt ra yêu cầu riêng đối với GVMN dạy trẻ dưới 3 tuổi và trên 3 tuổi. Khi đánh giá năng lực đầu vào để tuyển GVMN ở các địa phương thường không căn cứ vào đối tượng làm việc của người dự tuyển: dạy trẻ dưới 3 tuổi hay trên 3 tuổi.

- Nhiều cơ sở trước đây chuyên về đào tạo GV nhà trẻ, mẫu giáo thì bây giờ chuyển thành cơ sở đào tạo đa ngành. Các cơ sở không có chức năng đào tạo GVMN - các trường CĐ, ĐH đa ngành lại chuyển sang đào tạo GVMN thông qua hình thức liên thông hay liên kết đào tạo, vì thế, chất lượng đào tạo GVMN không cao.

- Các cơ sở đào tạo GVMN, đặc biệt là trình độ trung cấp và CĐ hiện nay không xác định mục tiêu đào tạo riêng GVMN dạy trẻ dưới 3 tuổi và trên 3 tuổi, trong khi hầu hết các cơ sở đào tạo ĐH và Sau ĐH xác định nhiều mục tiêu, không chỉ đào tạo GVMN, mà còn đào tạo nghiên cứu viên và giảng viên dạy chuyên ngành GDMN làm việc ở các Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo; đào tạo cán bộ quản lí các cơ sở GDMN...

- Thiếu đội ngũ giảng viên và giáo viên hướng dẫn thực hành chuyên về nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ nhà trẻ; thiếu cơ sở thực hành là các nhóm trẻ.

- Số lượng nhóm trẻ trong các cơ sở GDMN cả công lập quá ít, nếu đào tạo riêng GVMN để dạy trẻ dưới 3 tuổi, sẽ không xin được việc làm. Nếu được tiếp nhận, các GVMN cũng thường không thích làm việc với trẻ nhỏ vì công việc vất vả hơn, yêu cầu cao hơn nhưng đánh giá, ghi nhận và đãi ngộ của ngành học, nhà trường, cha, mẹ và xã hội thì không có sự khác biệt gì.

- Các GVMN dạy ở cơ sở GDMN ngoài công lập, đặc biệt nhóm trẻ ĐLTT có nhiều điều chưa yên tâm gắn bó với trẻ, với cơ sở và với nghề⁴, vì: thu nhập thấp và không ổn định, trong khi: số trẻ đông/ cô ít; áp lực nhiều, điều kiện làm việc không đảm bảo; chưa được đóng bảo hiểm xã hội; Đối xử của ngành, của địa phương và xã hội chưa đảm bảo công bằng và bình đẳng đối với GVMN làm việc trong hệ thống công lập và ngoài công lập...

3. Thực trạng công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi

3.1. Giới thiệu chung về công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non ở Việt Nam

a) Bồi dưỡng GVMN được thực hiện ở các cấp

Cấp trung ương: Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) hàng năm, bồi dưỡng theo chuyên đề (3 năm/chuyên đề) cho đội ngũ GVMN cốt cán ở các địa phương, do Bộ GD&ĐT tổ chức.

4. Báo cáo kết quả khảo sát "Thực trạng và cơ chế quản lí nhóm trẻ ĐLTT ở Việt Nam" Trung tâm nghiên cứu GDMN, Viện KHGD Việt Nam, 2016.



Cấp tỉnh: Tổ chức bồi dưỡng chương trình BDTX có nội dung địa phương, bồi dưỡng chuyên đề cho đội ngũ GVMN cốt cán của các trường.

Cấp huyện và cơ sở GDMN: Tổ chức bồi dưỡng theo cụm trường và từng trường các nội dung nói trên, kết hợp với dự giờ, nghiên cứu hoạt động thực tế.

Tại các cơ sở đào tạo GVMN: tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu xã hội (khác nhau ở các cơ sở).

b) Về BDTX cho GVMN

Chương trình BDTX, gồm:

Khối kiến thức bắt buộc: Nội dung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học bậc học Mầm non được áp dụng trong cả nước (*Nội dung bồi dưỡng 1*); Nội dung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển GDMN theo từng thời kì của mỗi địa phương (*Nội dung bồi dưỡng 3*);

Khối kiến thức tự chọn gồm các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non (*Nội dung bồi dưỡng 3*).

Tổng thời lượng BDTX đối với mỗi giáo viên là 120 tiết, trong đó nội dung 1 (30 tiết), nội dung 2 (30 tiết), nội dung 3 (60 tiết).

Hình thức BDTX được thực hiện: học tập trung, tự học, qua mạng, trong đó khuyến khích GVMN tự học dựa vào tài liệu in và tài liệu điện tử (băng hình, đĩa hình, phần mềm dạy học) có sự hỗ trợ của hướng dẫn viên (gồm cán bộ quản lí (CBQL) chuyên môn giỏi và giáo viên cốt cán) và của đồng nghiệp thông qua thảo luận nhóm/tổ chuyên môn tại trường mầm non.

3.2. Thành công, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi

3.2.1. Đối với công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non

a) Thành công:

- BDTX đã góp phần phát động phong trào học tập, bồi dưỡng, động viên đội ngũ GVMN tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ.

- Chương trình BDTX được thiết kế có độ "mở", đồng thời, nội dung được lựa chọn thiết thực hơn trước đây, nên đã giúp GV và CBQL các cơ sở GDMN bổ sung, cập nhật kiến thức, kĩ năng cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương từ đó, giúp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của họ.

b) Một số hạn chế:

- Chưa coi trọng và bố trí cân đối các nội dung bồi dưỡng có liên quan đến chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy trẻ dưới 3 tuổi và trên 3 tuổi vào các Chương trình BDTX, cũng như bồi dưỡng chuyên đề.

- Chưa tổ chức bồi dưỡng riêng cho GVMN dạy trẻ dưới 3 tuổi và trên 3 tuổi, dẫn đến hiện tượng các GVMN dạy trẻ dưới 3 tuổi thường phải học chung các nội dung không phục vụ đặc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ hàng ngày của họ.

c) Nguyên nhân của những hạn chế:

- Tư tưởng còn coi nhẹ công tác bồi dưỡng GVMN.

- Thiếu hoặc không cụ thể các quy định về kiến thức, kĩ năng của GVMN dạy trẻ nhà trẻ trong chuẩn nghề nghiệp GVMN; các quy định về bồi dưỡng GVMN dạy trẻ dưới 3 tuổi, cũng như chưa gắn kết công tác bồi dưỡng với việc đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của GVMN làm việc với đối tượng trẻ em dưới 3 tuổi.

- Thiếu đội ngũ biên soạn và giảng dạy các chuyên đề hay nội dung các chuyên đề liên quan đến chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ dưới 3 tuổi.

- Thiếu sự gắn kết giữa công tác đào tạo và bồi dưỡng GVMN ở cả cấp trung ương và địa phương, chưa có cơ chế thu hút các cơ sở đào tạo, đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng GVMN ở các địa phương.

3.2.2. Đối với việc bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu xã hội của các cơ sở đào tạo

Nhiều cơ sở đào tạo xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu của người học, đáng kể nhất là trường CĐSP Trung ương TP. Hồ Chí Minh (có hơn 100 chuyên đề bồi dưỡng). Các chuyên đề rất đa dạng, thời lượng mỗi chuyên đề tương đối ngắn, nội dung sát thực với nhu cầu thực tiễn của người học, nội dung trong nhiều chuyên đề sát thực với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ dưới 3 tuổi. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất, đó là số lượng GVMN (đang thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ dưới 3 tuổi) theo học không đáng kể, vì: Người học phải tự trả tiền để được học các chuyên đề này trong khi thu nhập thấp; Người học phải bố trí đủ thời gian theo học, như vậy họ phải được CBQL cơ sở GDMN cho phép (GVMN thường phải làm việc cả ngày thứ Bảy).

4. Khuyến nghị về giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi ở Việt Nam

4.1. Kiến toàn các căn cứ pháp lí

- Rà soát, bổ sung, cụ thể hơn các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến năng lực của đội ngũ GVMN thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi, đến yêu cầu bồi dưỡng GVMN, yêu cầu đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của họ... làm căn cứ pháp lí vững chắc cho đào tạo, bồi dưỡng GVMN làm việc với đối tượng trẻ em này.

- Xây dựng chuẩn cơ sở đào tạo GVMN các trình độ, thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng mạng các cơ sở đào tạo GVMN đảm bảo chất lượng trên toàn quốc, từ đó, có sự ưu đãi hợp lí hơn cho các cơ sở này.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ (phụ cấp) phù hợp cho GVMN thực hiện nuôi dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi. Gắn kết chặt chẽ giữa đãi ngộ với đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ dưới 3 tuổi của người GVMN.

- Xây dựng cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và bồi dưỡng GVMN ở cấp trung ương và từng địa phương, sao cho trong đào tạo GVMN có sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp quản lí ngành và các cơ sở GDMN ở địa phương, đào tạo đáp ứng tốt hơn quy hoạch phát

triển GDMN của địa phương, ngược lại, các cơ sở đào tạo tham gia tích cực với ngành, địa phương trong công tác bồi dưỡng GVMN.

4.2. Tổ chức thực hiện

- Cần có tổ chức độc lập đánh giá năng lực sinh viên ngành GDMN được đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề cho GVMN thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ dưới 3 tuổi hay trên 3 tuổi (hay cả 2), đồng thời, định kỳ sau 5 năm GVMN cần được kiểm tra để cấp lại chứng chỉ hành nghề - nếu không đáp ứng yêu cầu - cần được bồi dưỡng lại kiến thức và kỹ năng nghề tương ứng.

- Các địa phương và các cơ sở GDMN: Đổi mới công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đánh giá GVMN bám sát yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của họ: thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ dưới 3 tuổi hay trên 3 tuổi.

- Các cơ sở đào tạo trình độ trung cấp, CĐ - chương trình đào tạo nên tập trung hình thành năng lực thực tiễn cho GVMN thực hiện nuôi, dạy trẻ nhà trẻ và mẫu giáo (cần có khối kiến thức và kỹ năng riêng có 2 nhóm đối tượng này). Các cơ sở đào tạo trình độ ĐH - chương trình đào tạo nên tập trung vào một mục tiêu chính: GVMN - 3- 4 năm; đào tạo nâng cao với mục tiêu - CBQL cơ sở GDMN, nghiên cứu viên hay giảng viên: từ 1-2 năm nữa (thực hiện đào tạo nối tiếp).

- Các chương trình bồi dưỡng - cần có độ "mở" nhiều hơn cho các địa phương và các cơ sở GDMN, GVMN lựa chọn căn cứ trên điều kiện thực tế và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, GD trẻ dưới 3 hay trên 3 tuổi.

- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GVMN cần tập trung nhiều hơn cho phát triển đội ngũ giảng viên và giáo viên hướng dẫn thực hành kỹ năng nghề nuôi dạy trẻ dưới

3 tuổi; chú trọng nâng cấp cơ sở vật chất, chuẩn bị các điều kiện đáp ứng tốt hơn yêu cầu trang bị kiến thức, kỹ năng nghề phù hợp với vị trí và đối tượng làm việc của sinh viên sau khi ra trường.

- Tăng cường gắn kết đào tạo, bồi dưỡng GVMN với nghiên cứu khoa học về GDMN nói chung và vấn đề nuôi, dạy trẻ dưới 3 tuổi nói riêng.

5. Kết luận

Như vậy, rất cần thiết phải xác định đúng và thực hiện hiệu quả các giải pháp nói trên để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng GVMN thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 3 tuổi, nhằm cung cấp đủ số lượng và đảm bảo chất lượng đội ngũ GVMN theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, góp phần thực hiện thành công mục tiêu thu hút trẻ dưới 3 tuổi đến cơ sở GDMN theo Đề án Phát triển GDMN Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2025; Đề án "Đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GD mầm non giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025* (dự thảo).

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đề án Đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GD mầm non giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025* (dự thảo).

[3]. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu Giáo dục Mầm non, (2016), *Báo cáo kết quả khảo sát "Thực trạng và cơ chế quản lý nhóm trẻ độc lập tự thực ở Việt Nam"*.

CURRENT STATE OF THE TRAINING OF PRESCHOOL TEACHERS WHO TAKE CARE OF UNDER 36 - MONTH OLDS IN VIETNAM

Nguyen Thi My Trinh - *The Vietnam Institute of Educational Sciences*

Email: mytrinhdhv@gmail.com

Cu Thi Thuy - *Ministry of Education and Training*

Email: ctthuy@moet.edu.vn

Abstract: *Preschool teachers are the factor determining the quality of preschooler caring and education. To improve the quality of under 3-year olds caring and education, it is necessary to enhance the training and re-training quality for those teachers being in charge of taking care of this age group kids. The article analyses the current state, limitations and reasons of the limitations in training and re-training of those teachers taking care of under 3-year olds, hence proposing recommendations for improving the quality of training and re-training of this group of teachers.*

Keywords: *Training; re-training; preschool teacher; under 36 - month olds.*